

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 14/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Căn và bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/HSST-QĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Mai Văn T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 28 tháng 10 năm 1990 tại: thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Văn T và bà Lê Thị T; có vợ là Lê Thu H và 01 con; tiền án: Ngày 27/8/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Mai Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2015 (Ngày 29/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù); tiền sự: chưa; nhân thân: Ngày 04/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 và anh Lê Văn H, sinh năm 1994, đều có đại chỉ tại: Thôn N, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Chu Khắc S, sinh năm 1975, địa chỉ: Số M phố Tuệ Tĩnh, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1993, địa chỉ: Khu H, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/6/2018, chị Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Sỹ D (cùng trú tại Thôn X, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, Biển kiểm soát (BKS) 89B1–509.65 để đi dự đám cưới tại thôn X, xã H thành phố M. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh D phát hiện chiếc xe đã bị kẻ gian trộm cắp. Đến ngày 13/12/2018, chị N phát hiện thấy chị Nguyễn Thị M (trú tại: thôn X, xã H, thành phố Móng Cái) đang điều khiển chiếc xe mô tô của mình nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Móng Cái trình báo.

Đến ngày 14/12/2018, chị M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Móng Cái giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh BKS 89B1 – 509.65, 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy mua bán xe viết tay.

Ngày 20/01/2019, anh Nguyễn Sỹ D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái trình báo.

Quá trình điều tra xác định, sau khi bị mất chiếc xe, anh D đã nói cho Mai Văn T biết việc bị mất xe như trên. Khoảng một tuần sau, T được anh Nguyễn Văn H (trú tại Thôn B, xã H, thành phố M) gọi điện cho T thông báo cho T biết có người muốn bán xe mô tô với giá rẻ. Theo chỉ dẫn của H, T đến gặp người thanh niên không quen biết mua chiếc xe Honda Vision màu xanh BKS 89B1 – 509.65 với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, T mang chiếc xe đến cầm cố cho anh Hoàng Văn K (trú tại khu N, phường K, thành phố M) với giá 5.000.000 đồng. Tại thời điểm này, T chưa biết chiếc xe trên là của chị N. Khoảng 02 ngày sau, Thế gặp lại D và được D kể lại chuyện đã bị mất xe, thì lúc này T biết chiếc xe mà T đã mang đi cầm cố cho anh K chính là xe của chị N và nảy sinh ý định lấy giấy tờ xe của chị N mang đi cầm cố cùng chiếc xe trên để được số tiền cao hơn. Chính vì vậy T đã đến nhà chị N, nói với chị N đưa giấy tờ xe cho T để T

thông qua các mối quan hệ xã hội tìm giúp xe, chị N đưa giấy tờ xe cho T, thì T mang giấy tờ xe đến hiệu cầm đồ của anh K, đặt vấn đề để lấy thêm 13.000.000 đồng thì được anh K đồng ý. Khoảng 10 ngày sau, anh K gọi điện cho T bảo đến chuộc xe. T bảo anh K không chuộc xe nữa nên anh K đã bán chiếc xe cho cửa hàng mua bán xe máy “H” ở khu X, phường K, thành phố M do anh Chu Khắc S làm chủ. Ngày 22/7/2018, anh S đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Lê Văn H (trú tại số L Minh Khai, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh) với giá 28.200.000 đồng. Ngày 13/12/2018, khi chị M là vợ anh H điều khiển chiếc xe mô tô trên thì chị N nhìn thấy. Do biết đó là tài sản liên quan đến vụ việc vi phạm pháp luật, nên ngày 14/12/2018, chị M đem chiếc xe trên cùng giấy tờ đến Công an thành phố Móng Cái giao nộp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có như nội dung vụ án nêu trên. Sau khi cầm cố chiếc xe trên cho anh K được số tiền 18.000.000đ. đồng bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, sau đó bị cáo tác động cho gia đình hoàn trả cho vợ chồng anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị M số tiền 9000.000đ. Ngoài ra, bị cáo khai tại thời điểm mua xe của nam thanh niên như nêu trên, thấy xe không có giấy tờ và được bán với giá rẻ hơn nhiều so với giá trị thực tế thì về ý thức chủ quan bị cáo hiểu rõ chiếc xe đó do người khác phạm tội mà có, nhưng do hám lợi bị cáo vẫn đồng ý mua.

Quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng khác có lời khai như sau:

Bị hại anh Nguyễn Sỹ D khai: Ngày 03/6/2018, anh D mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965 của chị gái là Nguyễn Thị N để đi ăn cưới tại thôn X, xã H, thành phố M, đến khoảng 19 giờ cùng ngày anh D phát hiện chiếc xe đã bị trộm cắp. Ngay sau đó anh D đã thông báo cho chị N biết về việc chiếc xe máy đã bị mất. Chiếc xe mô tô trên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N, nay anh D không có yêu cầu gì về tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị N có lời khai: về nguồn gốc chiếc xe do chị N tại cửa hàng mua bán xe máy H với giá 37.400.000đ, về việc cho em trai là Nguyễn Sĩ D mượn chiếc xe và bị kẻ gian trộm cắp như lời khai của anh D nêu trên. Khoảng hơn một tuần sau khi bị mất xe, Mai Văn T đến nhà hỏi chị N về việc chị N bị mất xe máy. Sau đó, Mai Văn T nói có quen biết một số anh em xã hội và bảo chị N đưa giấy tờ xe cho T để T tìm giúp xe. Do tin tưởng nên chị N đã đưa toàn bộ giấy tờ xe cho T. Tuy nhiên, đến 02 tuần sau chị N không thấy T nói gì nên chị N cũng nghi ngờ. Đến ngày 13/12/2018 khi đang đi trên đường thì nhìn thấy một người phụ nữ điều khiển chiếc xe máy của chị N nên đã đến Công an trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Móng Cái đã trả lại cho chị Nguyễn Thị N chiếc xe trên, nay chị N không yêu cầu gì về tài sản nữa.

- Anh Hoàng Văn K khai: Khoảng giữa tháng 6 năm 2018, T mang chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965 đến cầm cố cho anh K để lấy 5.000.000đ. Vài ngày sau, T tiếp tục mang giấy tờ chiếc xe máy trên đến chỗ anh T và lấy tiếp số tiền cầm cố là 13.000.000đ và

hẹn khoảng 20 ngày sau sẽ đến chuộc xe, trả tiền. Tuy nhiên đến hạn, anh K điện thoại cho T đến trả tiền và nhận lại xe nhưng T không lấy nữa mà bảo với anh K bán chiếc xe trên đi. Anh K đã mang xe đến cửa hàng xe máy “ S” ở phường K bán với giá là 18.000.000đ. T không nói cho anh K biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có được. Về trách nhiệm dân sự anh K khai: giữa anh K, bị cáo và anh S đã bồi thường thỏa đáng cho nhau trong việc mua bán chiếc xe trên nên không yêu cầu, đề nghị gì.

- Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị M khai: Anh H mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965 tại cửa hàng xe máy “ S” với giá 28.200.000đ. Việc mua bán xe máy giữa hai bên được xác lập bằng giấy viết tay. Anh, chị hoàn toàn không biết nguồn gốc chiếc xe là do phạm tội mà có. Về trách nhiệm dân sự: anh H, chị M đều khai: anh S đã bồi thường thỏa đáng cho gia đình số tiền mà anh H mua của anh S nên không có yêu cầu đề nghị gì.

- Người làm chứng anh Nguyễn Văn H khai: Khoảng đầu tháng 6 năm 2018, anh H biết có một người thanh niên (anh H không quen biết) muốn bán 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965, xe không có giấy tờ với giá rẻ và do biết anh T đang cần tìm mua xe để đi lại nên anh H đã giới thiệu cho T mua của người thanh niên trên. Việc hai bên mua bán giao dịch với nhau như thế nào anh H không biết. Sau này anh H được biết anh T mua chiếc xe trên với giá là 5.000.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Chu Khắc S khai: Ngày 29/6/2018, anh K mang chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965 cùng toàn bộ giấy tờ xe đến bán cho anh với giá 18.000.000đ. Khi mua, anh S không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có được. Đến ngày 22/7/2018, anh S đã bán lại chiếc xe máy trên cho anh Lê Văn H với giá là 28.200.000đ. Về trách nhiệm dân sự anh S khai: giữa anh S, anh H và anh T đã bồi thường thỏa đáng cho nhau trong việc mua bán chiếc xe trên nên không yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 44 ngày 21/01/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Móng Cái, kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Vision màu xanh, BKS 89B1-509.65 trị giá 31.025.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-MC, ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Mai Văn T về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phần tranh luận: đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Mai Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Móng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 33 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2018.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;
- Về xử lý vật chứng:
 - + Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật, nên không đề cập;
 - + Truy thu, sung quỹ nhà nước số tiền 4000.000đ do bị cáo phạm tội mà có.
- Về trách nhiệm dân sự: người bị hại, những người liên quan đã thỏa thuận xong về phần tài sản và không yêu cầu gì về tài sản nữa, nên không xét.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

**Bị cáo nói lời sau cùng:* Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Móng Cái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét lời nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản xác định hiện trường, biên bản nhận dạng; kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6/2018, bị cáo tuy nhận thức chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965 người thanh niên bán cho bị cáo là tài sản do phạm tội mà có, nhưng do hám lợi nên bị cáo bị cáo vẫn đồng ý mua. Sau đó bị cáo mang chiếc xe trên cầm cố cho anh Hoàng Văn K ở tại khu X, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh lấy số tiền 18000.000đ. Trị giá chiếc xe mô tô trên là: 31.025.000 đồng.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước

đối với tài sản do phạm tội mà có.

Do đó, Hành vi như nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” qui định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái nêu trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 323 quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” ...

Bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của mọi người phải được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ nhưng để có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hơn thế, sau khi biết rõ chủ tài sản là chị N và người bị hại là anh D, là những người có mối quan hệ quen biết, hàng xóm với bị cáo nhưng thay phải trả lại tài sản do chiếm hữu bất hợp pháp thì bị cáo lại tiếp tục nảy sinh ý định và mong muốn cao độ thu lợi thêm nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Chính vì thế bị cáo đã nói chị N đưa giấy tờ xe cho bị cáo để nhờ người tìm giúp nhưng thực chất là bị cáo dùng giấy tờ đó để cầm cố chiếc xe đó với giá cao hơn. Cho thấy, bị cáo là đối coi thường pháp luật, sa sút về phẩm chất lối sống, thích hưởng thụ, lười lao động. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn trên địa bàn thành phố.

* Về nhân thân: tại bản án số 12/2019/HS-ST ngày 04/3/2019, thể hiện: ngày 25/11/2018, bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 25/11/2018.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: căn cứ vào lý lịch của Bị cáo như nêu trên, thấy rằng bị cáo phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích, nên cần áp dụng tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo; người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ đánh giá nêu trên, thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về tổng hợp hình phạt:

Bị cáo đang chấp hành 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này. Do đó, cần tổng hợp cả phần hình phạt của bản án này (tổng hợp hình phạt của nhiều bản án) theo qui định khoản 1 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda- Vision, màu xanh, biển kiểm soát: 89B1-50965, số máy JF66E0151940, số khung: 5816GY151904; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 064558, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị N theo đúng qui định của pháp luật, nên không xét.

- Đối với khoản tiền bị cáo do phạm tội mà có: quá trình điều tra xác định bị cáo mua chiếc xe mô tô trên với giá 5000.000đ, sau đó cầm cố xe cho anh K lấy số tiền là 18.000.000đ. Như vậy, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là: 13.000.000đ. Do đó, cần truy thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 13.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N và bị hại là anh Nguyễn Sỹ D đều không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, nên không xét. Đối với giao dịch dân sự cầm cố tài sản giữa bị cáo với anh Hoàng Văn K; giao dịch mua bán xe giữa anh K với anh Chu Khắc S; giữa anh Chu khắc S với vợ chồng anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị M, quá trình điều tra các bên đều thể hiện quan điểm đã thỏa thuận xong về vấn đề hoàn trả số tiền các bên thực hiện giao dịch nêu trên và không yêu cầu gì, nên không xét. Đối với giao dịch dân sự trên, được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bên liên quan có yêu cầu.

Tại biên bản hỏi cung ngày 26/3/2019, bị cáo khai đã tác động cho gia đình cho gia đình đưa cho vợ chồng anh H số tiền 9000.000đ. Tuy nhiên số tiền 28.200.000đ anh chị H – M đã mua chiếc xe mô tô trong giao dịch dân sự mua bán với anh S nêu trên không thuộc trách nhiệm hoàn trả của bị cáo mà thuộc trách nhiệm của anh Chu Khắc S. Quá trình điều tra anh H – chị M đều khai đã được anh S bồi thường thỏa đáng số tiền trên. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm tự nguyện bồi thường cho vợ chồng anh chị H – M số tiền như nêu trên. Xét đây là quyền tự định đoạt của bị cáo đối với tài sản, nên không xét. Đối với số tiền này được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các bên liên quan có yêu cầu.

[7] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm điểm s khoản

1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về việc: căn cứ lời khai của bị cáo về nội dung bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh H, chị M số tiền 9000.000đ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự nguyện..bồi thường thiệt hại, hoặc khắc phục hậu quả” qui định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Đối tượng tài sản mà hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến trong vụ án này là chiếc xe mô tô (do người khác phạm tội mà có) nêu trên và bị cáo thực hiện giao dịch cầm cố với anh Hoàng Văn K. Do vậy, được coi là bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả khi bị cáo thực hiện trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm hoàn trả liên quan đến tài sản, giao dịch dân sự nêu trên. Đối với số tiền trong giao dịch dân sự mua bán xe mô tô giữa anh Chu Khắc S với anh H không phải là đối tượng tài sản mà hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến, giao dịch dân sự này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của bị cáo nên việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh H, chị M số tiền 9000.000đ không được coi là việc “tự nguyện..bồi thường thiệt hại, hoặc khắc phục hậu quả” trong vụ án. Quá trình điều tra anh K khai giữa anh K, bị cáo và anh S đã bồi thường thỏa đáng cho nhau trong việc mua bán chiếc xe mô tô trên nên, nhưng tại phiên tòa bị cáo khai đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 18.000.000đ trong giao dịch cầm cố xe mô tô với anh K, ngoài ra không có nội dung nào khác. Do đó, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án:

- Về hành vi trộm cắp tài sản đối với chiếc xe máy như nội dung vụ án nêu trên, quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái đã tách vụ án, tiếp tục điều tra xử lý sau, nên không đề cập.

- Đối với anh Nguyễn Văn H, anh Hoàng Văn K, Chu Khắc S và vợ chồng anh H – chị M có liên quan đến giao dịch cầm cố, mua bán đối với chiếc xe mô tô như nêu ở phần trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định họ không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên không đủ căn cứ xử lý về hình sự. Đối với anh Hoàng Văn K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái đã xử phạt hành chính về hành vi cầm cố chiếc xe mô tô trên khi chưa xác định rõ nguồn gốc hợp pháp của tài sản, nên không xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T (tên gọi khác: Không)

Phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt: Mai Văn T: 18 (mười tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái), buộc bị cáo Mai Văn T phải chấp phạt chung là: 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 25/11/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Truy thu, sung ngân sách nhà nước: số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) do bị cáo phạm tội mà có.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Mai Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Nguyễn Sỹ D; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N, anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị M, anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVNLO;
- Công an tp Móng Cái;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng

